

Số: /TTr- Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026
STC- QL
DỰ THẢO
NGÀY 18/6/2026

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn của Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn của Thành phố Hồ Chí Minh, với nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ khoản 16 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh quy định: **“Điều 1. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh**

16. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Bình Dương thành thành phố mới có tên gọi là Thành phố Hồ Chí Minh”.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định: **“Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật:

d) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật”.

Căn cứ khoản 20 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định: **“Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54 như sau:

2. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính nào thì có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó và phải được quy định cụ thể ngay trong văn bản đó. Trường hợp có sự thay đổi về địa giới đơn vị hành chính thì hiệu lực về không gian và đối tượng áp dụng của văn bản quy phạm pháp luật được xác định như sau:

...b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi **Hội đồng nhân dân**, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của **Hội đồng nhân dân**, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập **hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới; ...**”.

Căn cứ khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “**Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí quy định: “**Điều 4. Danh mục và thẩm quyền quy định phí, lệ phí**

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quy định các khoản phí, lệ phí trong Danh mục phí, lệ phí**, được quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí”.

Căn cứ khoản 7 Điều 3 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và **lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố** trực thuộc Trung ương quy định: “**Điều 3. Danh mục các khoản lệ phí thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

7. Lệ phí đăng ký kinh doanh”.

Căn cứ các quy định và cơ sở nêu trên, lệ phí đăng ký kinh doanh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố. Do đó, Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

2. Cơ sở thực tiễn:

a) Về Nghị quyết quy định mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành:

Trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành các Nghị quyết quy định mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh (trước sáp nhập): Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 124/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. Theo đó, tại số thứ tự 5 mục II Phụ lục 1 quy định: “*Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh là 100.000 đồng/đăng ký*”.

- Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (trước sáp nhập): Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành các Nghị quyết:

+ Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 về quy định mức thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo đó, tại khoản 3 Điều 1 quy định: “**Điều 1. Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh đối với Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh theo Tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:**

3. *Mức thu lệ phí: thực hiện mức thu theo Bảng phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này*”.

Tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016, thì:

Mức thu lệ phí đối với Hợp tác xã do Sở Kế hoạch và Đầu tư thu: có mức thu lệ phí từ 2.000 đồng/lần đến 150.000 đồng/lần.

Mức thu lệ phí đối với Hợp tác xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện thu: có mức thu lệ phí từ 2.000 đồng/lần đến 100.000 đồng/lần.

+ Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo đó, tại Điều 5 quy định: “**Điều 5. Mức thu lệ phí**

1. *Cấp mới giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: 100.000 đồng/01 giấy chứng nhận.*

2. *Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: 20.000 đồng/01 giấy chứng nhận.*

3. *Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh: 20.000 đồng/01 giấy chứng nhận*”.

- Tỉnh Bình Dương (trước sáp nhập): Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Theo đó, tại Điều 2 quy định: “**Điều 2. Mức thu lệ phí**

Đơn vị tính: đồng/lần cấp

<i>Stt</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i>	<i>Cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i>	<i>Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i>
1	Hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	100.000	50.000	30.000
2	Liên hiệp Hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp Hợp tác xã	100.000	50.000	30.000
3	Hộ kinh doanh	100.000	50.000	30.000

Do đó, để thống nhất mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết:

Việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn của Thành phố Hồ Chí Minh để thống nhất mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh của 03 tỉnh trước sáp nhập: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết:

- Về nội dung: Xây dựng dự thảo Nghị quyết bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Về thể thức, thẩm quyền ban hành và trình tự thủ tục: Đảm bảo tuân thủ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Về đăng ký danh mục xây dựng Nghị quyết:

Ngày tháng năm 2026, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số về thống nhất đề xuất danh mục các nội dung cần ban hành Nghị quyết năm 2026 của Sở Tài chính. Trong đó, có danh mục lệ phí đăng ký kinh doanh.

2. Về tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết:

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, Sở Tài chính có Công văn số 7687 /STC-DKKD đề nghị Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu có ý kiến góp ý dự thảo Đề án quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Sở Tài chính nhận được 130/168 ý kiến của các Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu thống nhất dự thảo Đề án do Sở Tài chính xây dựng.

Ngày tháng 6 năm 2026, Sở Tài chính có Công văn số /STC-QLG đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Khoa học – Công nghệ và Sở Tư pháp có ý kiến góp ý dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và gửi về Sở Tài chính chậm nhất ngày tháng năm 2026. Quá thời gian trên, các đơn vị không có ý kiến xem như thống nhất đối với nội dung hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày tháng năm 2026, Sở Tài chính đăng tải toàn bộ dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố (<http://hochiminhcity.gov.vn/van-ban-du-thao>) trong thời gian ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý và gửi ý kiến đóng góp trên cổng thông tin điện tử của Thành phố về Sở Tài chính tổng hợp.

Ngoài ra, Sở Tài chính thực hiện truyền thông Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn của Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc đăng tải trên Website của Sở Tài chính (<http://tcvg.hochiminhcity.gov.vn/tintuc/>) vào ngày tháng năm 2026 (đảm bảo đầy đủ các nội dung cần truyền thông theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP).

Tính đến thời điểm ngày tháng năm 2026, trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố ghi nhận không có ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các sở, ngành Thành phố, Sở Tài chính nhận được 04/04 ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, Sở Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời đăng tải Bảng tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên trang Website Sở Tài chính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

3. Về tổ chức lấy ý kiến của Đảng ủy Sở Tài chính:

Ngày tháng năm 2026, Sở Tài chính có Công văn số /STC-QLG trình Đảng ủy Sở Tài chính về có ý kiến dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân

dân Thành phố ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày tháng năm 2026, Đảng ủy Sở Tài chính có Công văn số/ĐUS

4. Về thẩm định dự thảo Nghị quyết:

Ngày tháng năm 2026, Sở Tài chính có Công văn số /STC-QLG đề nghị Sở Tư pháp thẩm định Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày tháng năm 2026, Sở Tư pháp có Báo cáo số /BC-STP về Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số /BC-STP nêu trên, Sở Tài chính tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

A. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh; các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp lệ phí:

Tổ chức, cá nhân, thành viên hộ gia đình khi được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (bao gồm cả Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) theo phương thức nộp hồ sơ trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính.

b) Tổ chức thu lệ phí: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

c) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

B. Bố cục của dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết gồm có 6 Điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- Điều 2. Đối tượng miễn thu lệ phí
- Điều 3. Mức thu lệ phí
- Điều 4. Chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí
- Điều 5. Tổ chức thực hiện
- Điều 6. Hiệu lực thi hành.

C. Nội dung cơ bản:

1. Cơ sở pháp lý:

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, được sửa đổi bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Thẩm quyền ban hành văn bản:

Căn cứ Luật phí và lệ phí quy định:

- Tại khoản 1 Điều 21 quy định: “**Điều 21. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:**

1. *Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”.*

- Tại khoản 1 Điều 22 quy định: “**Điều 22. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:**

1. *Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”.*

Căn cứ khoản 3 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định: “**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

3. *Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau: “Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*

1. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*

a) *Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.*

Căn cứ các quy định nêu trên, Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Cơ sở đề xuất mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh:

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định:

- Tại khoản 2 Điều 4 quy định: “**Điều 4. Nguyên tắc xác định mức thu**

2. *Xây dựng mức thu các khoản phí, lệ phí cần đảm bảo:*

“a) *Căn cứ mức thu phí, lệ phí hiện hành (nếu có) để làm cơ sở đề xuất mức thu.*

b) *Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến phù hợp để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến.*

...

d) *Tham khảo mức thu phí, lệ phí của các địa phương liền kề hoặc địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng để bảo đảm sự hài hòa giữa các địa phương.*”

- Tại điểm g khoản 2 Điều 5 quy định: “**Điều 5. Căn cứ xác định mức thu phí và lệ phí**

2. *Đối với các khoản lệ phí*

g) *Lệ phí đăng ký kinh doanh là khoản thu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)”.*

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định: “**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

2. *Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 2 Điều 4 như sau:*

“b) *Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động*

cung cấp trực tuyến phù hợp để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến.”.

Căn cứ cơ sở nêu trên, Sở Tài chính đề xuất mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh trên **cơ sở kế thừa mức thu đang áp dụng** tại Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (cũ), tỉnh Bình Dương (cũ) đối với việc cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã tại 03 tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh (cũ). Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành các Nghị quyết như sau:

- Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (cũ).

- Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (cũ).

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ).

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cũ).

Hiện nay, việc thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh đang được thực hiện ổn định, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội của Thành phố. Do đó, việc thống nhất một mức thu chung của Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (cũ), tỉnh Bình Dương (cũ) bảo đảm tính ổn định trong quản lý và tổ chức thực hiện, không làm phát sinh biến động lớn so với mặt bằng thu đang áp dụng trên địa bàn Thành phố sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Sở Tài chính tham khảo mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh tương đồng với mức thu đề xuất tại các tỉnh, thành phố như: *(Phụ lục đính kèm)*.

- Tỉnh Đồng Nai (Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

- Thành phố Hà Nội (Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố Hà Nội).

- Thành phố Huế (Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Huế quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Huế).

Ngoài ra, Sở Tài chính tham khảo mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp. Theo đó, Bộ Tài chính quy định áp dụng một mức thu chung cho tất cả các loại thủ tục cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Do đó, việc thống nhất áp dụng một mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh chung cho các loại thủ tục cấp mới, cấp lại, đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bảo đảm sự tương đồng giữa các loại thủ tục hành chính có cùng kết quả giải quyết (sử dụng chung mẫu Giấy chứng nhận đăng ký theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành), thuận lợi cho cơ quan thu lệ phí trong tổ chức thực hiện.

4. Đề xuất mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh:

Căn cứ các quy định và cơ sở nêu trên, Sở Tài chính đề xuất mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh áp dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm: Cấp mới, cấp lại, đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) là **100.000 đồng/lần cấp**.

5. Cơ quan thu lệ phí đăng ký kinh doanh:

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

6. Thẩm quyền quyết định các đối tượng được miễn lệ phí:

Căn cứ Điều 10 Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định: “**Điều 10. Miễn, giảm phí, lệ phí**

1. Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.

...

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính, **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền**.”.

Căn cứ Điều 6 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định:

“Điều 6. Về miễn, giảm phí, lệ phí

1. **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể đối tượng được miễn, giảm; mức giảm đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí.**

2. Việc quyết định miễn, giảm phí, lệ phí, căn cứ vào:

a) Quy định tại các luật chuyên ngành và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật có liên quan về miễn, giảm phí, lệ phí.

b) *Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ về các chính sách có liên quan đến miễn, giảm phí, lệ phí.*

c) *Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí.”.*

Căn cứ các quy định nêu trên, Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền quyết định miễn lệ phí cho các đối tượng theo quy định.

7. Các đối tượng miễn, giảm thu lệ phí:

a) Đối tượng miễn thu lệ phí:

a.1) Đối tượng hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật:

Căn cứ Điều 10 Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định: “**Điều 10. Miễn, giảm phí, lệ phí**

1. Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.

...

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính, **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.”.**

Căn cứ quy định nêu trên, Sở Tài chính đề xuất các đối tượng được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh như sau: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

a.2) Các đối tượng theo quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính:

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định:

- Tại khoản 3 Điều 57 quy định: “**Điều 57. Thông báo cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp**

“3. **Doanh nghiệp không phải trả lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp cập nhật, bổ sung thông tin sau:**

a) *Số điện thoại, số fax, thư điện tử, website của doanh nghiệp;*

b) *Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp và địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do thay đổi về địa giới hành chính;*

c) *Trường hợp doanh nghiệp cập nhật, bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại*

diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi quy định từ Điều 49 đến Điều 54 Nghị định này.”.

- Tại khoản 1 Điều 115 quy định: **“Điều 115. Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh**

1. Trường hợp hộ kinh doanh phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của hộ kinh doanh nếu thông tin nêu tại giấy đề nghị của hộ kinh doanh là chính xác”.

Căn cứ Điều 5 Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp quy định: **“Điều 5. Các đối tượng được miễn phí, lệ phí**

1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu.”.

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 26 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định: **“Điều 26. Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

1. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi văn bản đề nghị hiệu đính thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nếu thông tin nêu tại văn bản đề nghị là chính xác.

...

5. Việc hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin trên giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.”.

Thực tiễn cho thấy, 03 tỉnh trước sáp nhập (Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tỉnh Bình Dương) áp dụng chính sách miễn lệ phí đăng ký kinh doanh cho các đối tượng theo quy định Luật Phí và lệ phí và các nhóm đối tượng về đăng ký doanh nghiệp đã ổn định trong thời gian qua, không phát sinh vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Do đó, việc tiếp tục quy định miễn lệ phí cho các đối tượng nêu trên nhằm bảo đảm tính kế thừa chính sách, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động kinh doanh đăng ký kinh doanh kịp thời, đầy đủ, tuân thủ nghĩa vụ “Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này” theo quy định tại khoản 9 Điều 10 Luật Hợp tác xã năm 2023 và “Người thành lập hộ kinh doanh, hộ kinh doanh có nghĩa vụ đăng ký hộ kinh doanh, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị định này, không được hoạt động dưới danh nghĩa hộ kinh doanh mà không đăng ký” theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Căn cứ cơ sở pháp lý và phân tích nêu trên, Sở Tài chính đề xuất các đối tượng miễn lệ phí đăng ký kinh doanh như sau:

- Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cập nhật, bổ sung các thông tin số điện thoại, số fax, thư điện tử, website của hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cập nhật, bổ sung thông tin địa chỉ trụ sở chính của hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính.

- Hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cập nhật, bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký mà không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại.

- Hộ kinh doanh đăng ký chấm dứt hoạt động; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký giải thể và đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

b) Đối tượng giảm thu lệ phí:

Sở Tài chính không đề xuất đối tượng giảm thu lệ phí đăng ký kinh doanh.

8. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp lệ phí, hiệu quả thu lệ phí:

Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (cũ), tỉnh Bình Dương (cũ) và các tỉnh, thành phố có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh đề xuất không có chênh lệch nhiều giữa các loại thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, bảo đảm tính liên tục, kế thừa, ổn định trong công tác theo dõi và triển khai thực hiện.

Mức thu đề xuất bảo đảm phù hợp với mặt bằng thu nhập và điều kiện kinh tế – xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh sau sắp xếp đơn vị hành chính, không làm phát sinh chi phí đáng kể đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh, đáp ứng yêu cầu bù đắp chi phí phục vụ hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh tại Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu.

V. DỰ KIẾN NGUỒN TÀI CHÍNH, NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Về nguồn tài chính, nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản

Việc ban hành Nghị quyết này không làm tăng biên chế, không yêu cầu bổ sung nguồn nhân lực, nguồn tài chính cho bộ máy nhà nước, không phát sinh thêm nhu cầu về cơ sở vật chất. Việc triển khai Nghị quyết cũng dựa trên nguồn nhân lực và cơ sở vật chất hiện có của các cơ quan được thu lệ phí, không yêu cầu bổ sung thêm nguồn nhân lực và cơ sở vật chất. Do đó, đủ điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản.

2. Về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Hồ sơ trình Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn của Thành phố Hồ Chí Minh, không có nội dung liên quan đến phân cấp, phân quyền, ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết: Tháng 12 năm 2026.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Không có.

Trên đây là nội dung Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

(Tài liệu kèm theo:

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.
- Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.
- Bản tổng hợp ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức.
- Báo cáo tiếp thu, giải trình của Sở Tài chính).

Nơi nhận :

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Phòng ĐKKD-STC;
- Phòng KTPC-STC;
- GD, PGD;
- Lưu: VT, QL.G. ntnthuy.(02)

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Hoàng Minh